CHỦ ĐỀ 7

BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Mô tả được đa dạng sinh học và thực trạng bảo tồn đa dạng sinh học tại một số khu sinh học ở tỉnh Quảng Ngãi (Rừng Nà – huyện Mộ Đức, Đầm An Khê – thị xã Đức Phổ, vùng biển Khu kinh tế Dung Quất – huyện Bình Sơn).
- Trình bày được một số giải pháp chủ yếu bảo tồn đa dạng sinh học ở tỉnh Quảng Ngãi.
- Tích cực tham gia các hoạt động góp phần bảo tồn đa dạng sinh học ở địa phương.

MỞ ĐẦU

Bảo tồn đa dạng sinh học là yếu tố quan trọng, quyết định đến tính ổn định và là cơ sở sinh tồn của sự sống trên trái đất và của các hệ sinh thái trong tự nhiên. Bảo tồn đa dạng sinh học giúp làm cân bằng sinh học, đảm bảo cho hệ sinh thái được ổn định, giúp cho quá trình sản xuất nông nghiệp đạt được hiệu quả cao hơn, bền vững hơn. Từ đó góp phần quan trọng phát triển kinh tế – xã hội và nâng cao đời sống con người của một địa phương nói riêng và cả đất nước nói chung.

Nêu những hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học ở địa phương mà em biết.

KIẾN THỨC MỚI

1. Khái niệm đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học

a) Khái niệm đa dạng sinh học

Đa dạng sinh học là sự phong phú về gen, loài sinh vật và hệ sinh thái trong tự nhiên.

(theo Điều 3 Luật Đa dạng sinh học 2008)

Hình 7.1. Rừng nguyên sinh giữa đồng bằng ở xã Bình Tân Phú, huyện Bình Sơn

Hình 7.2. Rạn san hô ở vùng biển Lý Sơn, huyện Lý Sơn

Quan sát hình 7.1 và 7.2, em có nhận xét gì về đa dạng sinh học ở 2 khu sinh học này?

b) Giới thiệu chung về đa dạng sinh học ở tỉnh Quảng Ngãi

Hình 7.3. Rạn san hô ở Gành Yến, xã Bình Hải, huyện Bình Sơn

Tỉnh Quảng Ngãi có hệ thực vật, động vật tự nhiên rất đa dạng của rừng nhiệt đới cùng với 04 con sông lớn là Trà Khúc, Trà Bồng, Sông Vệ và Trà Câu chảy qua hầu hết các huyện của Quảng Ngãi, nơi cư trú của rất nhiều loài động thực vật. Hệ thực vật có 1.252 loài thực vật với 604 chi thuộc 169 họ; hệ động vật có 1.089 loài động vật trên cạn với 121 loài thú, 308 loài chim, 83 loài bò sát, 56 loài lưỡng cư và 521 loài côn trùng; hệ động vật thuỷ sinh với 173 loài cá nước ngọt, 40 loài da gai, 141 loài giáp xác, 51 loài động vật không xương sống cỡ lớn, 30 loài chân bụng, 157 loài san hô và 202 loài cá biển,... Đặc biệt có rất nhiều loài động thực vật quý, hiếm được ghi nhận, thực vật quý, hiếm có 48 loài theo Danh mục đỏ thế giới (IUCN, 2015), Sách đỏ Việt Nam (2007) như: Gụ mật, Gõ đỏ, Chò chỉ, Xoay, Xoan mộc, Lim xanh, Trầm hương, Sến trung,… động vật quý hiếm đối với quốc gia và quốc tế có 118 loài đã được ghi nhận như: Rùa hộp trán vàng, Vượn đen má vàng, Chà vá chân xám, Khỉ đuôi lợn, Cu li, Tê tê vàng, Đại bàng, Trĩ sao, Gà lôi lam mào trắng,… (Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh

Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, Viện Sinh thái học Miền Nam).

c) Thực trạng bảo tồn đa dạng sinh học tại một số khu sinh học ở tỉnh Quảng Ngãi

Rừng Nà có diện tích 17 ha thuộc xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức là khu rừng rậm với nhiều gò đồi và bãi sình lầy chạy dọc theo chiều Bắc – Nam của xã Đức Thạnh. Rừng có diện tích hơn 350.000m^2 với nhiều cây cối, đầm lầy, bao quanh. Rừng Nà có độ đa dạng sinh học phong phú: có khoảng 123 loài động vật có xương sống thuộc 5 lớp, 21 bộ, 57 họ và 92 giống; động vật có xương sống với 23 loài di cư mùa đông, 17 loài di cư mùa hè, 83 loài định cư. Thảm thực vật Rừng Nà cũng đa dạng phong phú, trong tổng số 52 loài đã xác định ở Rừng Nà có 28 loài có giá trị sử dụng. *(Nghiên cứu tạo lập cơ sở dữ liệu, đề xuất giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học, môi trường và lịch sử Rừng Nà – Mộ Đức, Chi cục Bảo vệ môi trường, 2010).*

Hình 7.4. Rừng Nà thuộc xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức

Ngoài ra Rừng Nà còn có giá trị là một địa điểm lịch sử được UBND tỉnh Quảng Ngãi xếp hạng di tích lịch sử văn hoá. Ngoài giá trị lịch sử, Rừng Nà còn là một thắng cảnh đẹp, với rừng cây tự nhiên, có đầm lầy, gò đồi, được bao bọc bởi xóm làng, đồng ruộng là một địa điểm du lịch có tiềm năng cho khai thác du lịch sinh thái của thiên nhiên.

Hiện nay, Rừng Nà vẫn còn giữ được cảnh quan thiên nhiên hoang sơ vốn có, tuy nhiên do chưa có quy hoạch bảo vệ cụ thể nên trong thời gian qua Rừng Nà bị lấn chiếm, diện tích tự nhiên dần bị thu hẹp đáng kể. Một số loài động, thực vật đã bị xâm hại, ảnh hưởng đến giá trị đa dạng sinh học của Rừng Nà.

Đầm An Khê có diện tích 347 ha nằm trên địa bàn xã Phổ Khánh, phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ, đầm này có ngõ thông ra biển qua cửa Lỗ. Đây là một bộ phận trong Khu Di chỉ văn hoá Sa Huỳnh, là nơi có nguồn lợi thuỷ sản phong phú. Thuỷ sản sống trong đầm chủ yếu là các loài nước ngọt (cá diếc, cá thác lác, cá bống, cá chép, cá chình, cá trắm cỏ, cá mè, tôm, ốc, cá rô phi,...). Nơi đây có tiềm năng phát triển nuôi thuỷ sản và dịch vụ du lịch, đóng vai trò rất quan trọng trong việc đáp ứng và cung cấp nguồn sống cho hàng trăm hộ dân sinh sống quanh đầm, mang lại nguồn thu nhập lớn cho cộng đồng ngư dân địa phương. Qua quan trắc chất lượng môi trường nước đầm An Khê cho thấy đây là đầm nước gần như ngọt hoàn toàn, hàm lượng chất hữu cơ tích tụ trong đầm cao có thể do hiện tượng lưu

thông nước trong đầm kém, ảnh hưởng của chất thải từ hoạt động sản xuất, sinh hoạt của dân cư sống quanh đầm thải ra làm cho môi trường nước đầm bị ô nhiễm.

Hình 7.5. Quang cảnh Đầm An Khê, thị xã Đức Phổ

Vùng biển Khu kinh tế Dung Quất thuộc địa bàn huyện Bình Sơn, theo khảo sát mức độ đa dạng sinh học tại đây khá cao với 172 loài thực vật phù du, 113 loài rong biển, 53 loài động vật phù du, 48 loài thân mềm, 18 loài giáp xác, 37 loài da gai, 28 loài giun nhiều tơ, 49 loài san hô và 74 loài cá biển. Đặc biệt có các loài sinh vật quý hiếm đã được ghi trong sách đỏ Việt Nam cần được bảo vệ như ngành thân mềm có loài ốc sứ mắt trĩ, ngành san hô gồm có san hô lỗ đỉnh no bi, san hô cành đa mi, san hô khối đầu thuỳ và san hô xanh; ngành rong tảo thì có rong đông sao và rong kì lân và ngành cá biển có loài cá bàng chài đầu đen *(theo điều tra, khảo sát của PGS. TS. Vũ Thanh Ca, 2013)*. Tuy nhiên, hiện nay vùng biển Khu kinh tế Dung Quất đang chịu tác động gián tiếp và trực tiếp bởi các yếu tố như: biến động bất thường của thiên nhiên, các hoạt động gây tổn hại của phát triển công nghiệp, nông nghiệp,… như: khai thác đá san hô, khai thác rong mơ, khai thác sinh vật biển bằng các biện pháp huỷ diệt (phổ biến là dùng lưới đóng, giã cào, chất nổ,…), hoạt động đổ thải các chất thải và sự cố tràn dầu,… đã làm ảnh hưởng rất lớn đến sự đa dạng sinh học nơi đây.

Hình 7.6. Chân Gò Hồng, thôn Lệ Thuỷ, xã Bình Hải, huyện Bình Sơn

Địa phương em có những khu sinh học nào cần được bảo vệ ? Thực trạng bảo tồn đa dạng sinh học ở địa phương em?

2. Một số giải pháp chủ yếu bảo tồn đa dạng sinh học ở tỉnh Quảng Ngãi

a) Giải pháp tuyên truyền

– Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo hướng trực quan sinh động.

– Kết hợp với các tổ chức như đoàn thanh niên, hội phụ nữ, trường học để lồng ghép chương trình giáo dục tuyên truyền về quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phổ biến kiến thức khuyến nông, khuyến lâm; các kỹ thuật sản xuất nông lâm nghiệp bền vững cho người dân địa phương trong các hoạt động của các tổ chức đoàn thể.

– Các nội dung, hình thức tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học bao gồm phổ biến kiến thức về chủ trương, chính sách, văn bản pháp luật của Nhà nước, thông tin về hiện trạng rừng, đa dạng sinh học với các chương trình tuyên truyền có nội dung dễ hiểu, dễ nhớ.

b) Giải pháp về nguồn vốn thực hiện quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học

Tăng cường huy động các nguồn lực tài chính để triển khai các chương trình, dự án bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh; bao gồm ngân sách Nhà nước, nguồn tài trợ, các tổ chức quốc tế, nguồn xã hội hóa, các nguồn vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia khác.

c) Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực

Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực quản lý của đội ngũ làm công tác bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh; tăng cường vai trò của các hội, đoàn thể, quần chúng trong việc tuyên truyền, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học.

d) Giải pháp về khoa học công nghệ: Đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh.

đ) Giải pháp về cơ chế chính sách

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế chính sách quản lý bảo tồn đa dạng sinh học; xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là cộng đồng địa phương tham gia thực hiện quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học; xây dựng và triển khai các mô hình đồng quản lý tài nguyên, sinh cảnh và các hệ sinh thái.

e) Cải cách thủ tục hành chính

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch để nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh nhằm tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển.

g) Giải pháp lập quy hoạch bảo tồn

Bố trí các khu du lịch dịch vụ hợp lý nhằm cung cấp các sản phẩm du lịch cho cộng đồng; đẩy nhanh tiến độ phủ kín đất đồi núi trọc, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu; giao đất, giao rừng; khoanh nuôi, bảo vệ, trồng rừng phủ xanh đất trống, đồi trọc; khuyến khích trồng cây gỗ lớn, gỗ quý, phát huy hiệu quả kinh tế từ rừng.

Là học sinh, em cần phải làm gì để góp phần bảo tồn đa dạng sinh học ở địa phương.

LUYỆN TẬP

1. Chất lượng cuộc sống của con người, trình độ dân trí, dân số có tác động đến đa dạng sinh học và công tác bảo tồn sinh học không? Giải thích.
2. Tìm hiểu và liệt kê một số loài sinh vật quý hiếm được bảo tồn tại tỉnh Quảng Ngãi?

VẬN DỤNG

Hãy thực hiện 1 trong 2 nhiệm vụ sau:

1. Thiết kế dự án bảo tồn đa dạng sinh học ở nơi em sống.
2. Vẽ một bức tranh tuyên truyền về công tác bảo tồn đa dạng sinh học ở nơi em sống.

BAN BIÊN SOẠN
TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NGÃI
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số 2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Ngọc Thái	Trưởng ban
2	Vũ Thị Liên Hương	Phó Trưởng ban
3	Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên
4	Nguyễn Phương Anh	Thành viên
5	Quảng Trọng Bạch	Thành viên
6	Nguyễn Thị Trâm Châu	Thành viên
7	Lê Đình Diệp	Thành viên
8	Phan Đình Độ	Thành viên
9	Bùi Thị Đông	Thành viên
10	Cao Thị Thanh Hà	Thành viên
11	Trần Thị Tuyết Hạnh	Thành viên
12	Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên
13	Trần Thị Thanh Huyền	Thành viên
14	Phạm Huy Lộc	Thành viên
15	Huỳnh Ngọc Mỹ	Thành viên

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ
16	Võ Thị Thuý Nga	Thành viên
17	Lưu Thị Nga	Thành viên
18	Lê Hoàng Nguyên	Thành viên
19	Nguyễn Văn Pháp	Thành viên
20	Lê Văn Phương	Thành viên
21	Phan Ánh Quang	Thành viên
22	Huỳnh Trung Sơn	Thành viên
23	Lương Ngọc Thành	Thành viên
24	Trần Thanh Thảo	Thành viên
25	Hà Tấn Thọ	Thành viên
26	Nguyễn Thị Mỹ Thuận	Thành viên
27	Huỳnh Tấn Tuấn	Thành viên
28	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	Thành viên
29	Đặng Thị Mai Trâm	Thành viên
30	Bùi Văn Vàng	Thành viên

DANH MỤC HÌNH ẢNH SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU

Hình	Nguồn

MỤC LỤC

Chủ đề	NỘI DUNG	Trang
1	Vấn đề khai thác thế mạnh ở khu vực đồi núi, đồng bằng và ven biển tỉnh Quảng Ngãi	6
2	Tài nguyên văn hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi trong thời kỳ hội nhập và phát triển	15
3	Đổi mới giáo dục và đào tạo gắn với mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh Quảng Ngãi	26
4	Thành tựu hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh Quảng Ngãi	36
5	Tình hình phát triển một số ngành dịch vụ của tỉnh Quảng Ngãi	46
6	Định hướng nghề nghiệp cho học sinh đáp ứng xu thế phát triển của thị trường lao động tỉnh Quảng Ngãi	53
7	Bảo tồn đa dạng sinh học tại tỉnh Quảng Ngãi	59

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NGÃI LỚP 12